

trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Quân sự thuộc Bộ Quốc phòng, Ban tổng kết Lịch sử Công an nhân dân thuộc Bộ Công an, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương tổ chức biên soạn lịch sử kháng chiến chống Pháp của quân và dân Liên khu 3, Liên khu 4, Khu Việt Bắc, Khu Tây Bắc,... và cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (ngày 23/11/1940).

Điều 2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có nhiệm vụ:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kinh phí cho việc thực hiện các công trình biên soạn lịch sử nói trên.

- Chịu trách nhiệm tổ chức xét duyệt nội dung, đánh giá nghiệm thu và quản lý các công trình biên soạn lịch sử này như đối với các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Các cơ quan quy định tại Điều 1, Điều 2 và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 143/1998/QĐ-TTg ngày 08/08/1998 về việc sửa đổi chế độ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ chế độ thuế xuất khẩu, nhập khẩu tiểu ngạch quy định tại Quyết định số 115/HĐBT ngày 09/04/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Điều 2. Áp dụng chế độ thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chính ngạch đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tiểu ngạch để thống nhất chế độ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3. Bộ Thương mại xây dựng và ban hành các quy định về xuất nhập khẩu và buôn bán qua biên giới theo nguyên tắc khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 702/QĐ-TTg ngày 11/08/1998 về việc thành lập và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Hiệp, tỉnh Phú Yên.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16/07/1996 của Chính phủ và Nghị định số 92/CP ngày 23/08/1997 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tại Tờ trình số 54/UB ngày 13/07/1998, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2071-BKH/VPTĐ ngày 31/03/1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu công nghiệp Hòa Hiệp, tỉnh Phú Yên.

Khu công nghiệp Hòa Hiệp được tổ chức và hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ và chịu sự quản lý trực tiếp của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Hiệp, tỉnh Phú Yên với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Hiệp, tỉnh Phú Yên.

2. Chủ đầu tư: Công ty Liên doanh Đầu tư - Xây lắp Phú Yên. Có trụ sở chính tại 31 - 33 Lê Lợi - thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Mục tiêu dự án: Tạo mặt bằng, xây dựng các hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải... nhằm kinh doanh kết cấu hạ tầng được tạo ra trong khu công nghiệp.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Hòa Hiệp, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích quy hoạch là 101,5 ha, chia ra:

- Giai đoạn I : 30 ha
- Giai đoạn II : 30 ha
- Giai đoạn III: 41,5 ha.

Sẽ được chuẩn xác lại khi làm thủ tục thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

6. Tổng mức vốn đầu tư: 68,239 tỷ đồng Việt Nam, trong đó giai đoạn I là 20 tỷ VNĐ.

7. Nguồn vốn: Vốn tự có, vốn ứng trước của các nhà đầu tư, vốn vay.

8. Tiến độ đầu tư: Được thực hiện trong 6 năm, kể từ ngày ký quyết định đầu tư. Chia làm 3 giai đoạn đầu tư, mỗi giai đoạn 2 năm.

9. Thời gian hoạt động: 50 năm, kể từ ngày ký quyết định đầu tư.

Điều 3. Công ty Liên doanh Đầu tư - Xây lắp Phú Yên được vay một phần vốn ưu đãi của Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và được hưởng các ưu đãi tài chính theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành; lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt; lập đề án tổng thể về phát triển công trình kết cấu hạ tầng bên ngoài hàng rào để đồng bộ với các công trình kết cấu hạ tầng bên trong hàng rào, đảm bảo hoạt động có hiệu quả cho khu công nghiệp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, các Bộ trưởng: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công nghiệp, Quốc phòng, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính, Thống đốc Ngân hàng nhà

nước Việt Nam, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Phú Yên (sẽ thành lập sau), Giám đốc Công ty Liên doanh Đầu tư - Xây lắp Phú Yên, Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 82/1998/TT-BTC ngày 19/06/1998 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước;

Căn cứ Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ quy định về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các chế độ tài chính như sau:

I- PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng cho:

- Công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng (sau đây gọi tắt là công ty phát triển hạ tầng) được phép thành lập và hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp).

- Các doanh nghiệp được phép thành lập và hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp khu công nghiệp).

- Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trên địa bàn liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh).

II- CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHU CÔNG NGHIỆP

1- Doanh nghiệp khu công nghiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2- Những quy định về chế độ thuế:

2.1/ Doanh nghiệp khu công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước khi đầu tư vào khu công nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế theo mức ưu đãi trong các văn bản hiện hành về thuế về khuyến khích đầu tư trong nước.

2.2/ Doanh nghiệp khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện nghĩa vụ thuế như sau:

a) Đối với doanh nghiệp công nghệ kỹ thuật cao, doanh nghiệp dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao:

+ Nộp thuế lợi tức với thuế suất 10% trên số lợi nhuận thu được;

+ Miễn thuế lợi tức 8 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lợi nhuận.